TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 01/2022/KDTM-PT
Ngày: 08/4/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Minh Lý.

*Các Thẩm phán:*Nguyễn Thị Thuỷ và bà Lê Thị Hồng Phương

-*Thư ký phiên toà:*Bà Vũ Thị Hồng- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa*: Ông Đỗ Quang Chung- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và ngày 08 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mạiThụ lý số: 10/2021/TLPT- KDTM ngày 16 tháng 12năm 2021 về tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2021/KDTM-ST ngày 01tháng 11 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/QĐPT-KDTM ngày 08tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự

1. Nguyên đơn: Công ty CPBLKT FPT

Địa chỉ trụ sở chính: Số 261 – 263 KH, phường 5, quận 4, thành phố HCM

Người đại diện thep pháp luật: Ông Hoàng Trung K; Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị H, sinh năm 1981; Chức vụ: Cán bộ pháp chế; (có mặt tại phiên toà).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Lệ H2, sinh năm 1975 (có mặt tại phiên toà)

2.2. Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1973 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Đều trú tại: Tổ 9, Phường TL, thành phố Thái Nguyên;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Thị Lệ H2: Bà Trần Lan A2, sinh năm 1990 (Có mặt tại phiên toà)

Địa chỉ: Tổ 4, thị trấn TC, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Luật sư bảo vệ quyền và nghĩa vụ hợp pháp cho ông Nguyễn Tuấn A và bà

Nguyễn Thị Lệ H2: Ông Nguyễn Văn Q – Luật sư Công ty Luật hợp danh VIP (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày nội dung tóm tắt như sau:

Ngày 15/3/2016 Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT tại Thái Nguyên (gọi tắt là bên B) có ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh số với ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Thị Lệ H2 (gọi tắt là bên A) cùng có hộ khẩu thường trú tại tổ 9, phường TL, thành phố Thái Nguyên, nội dung hợp đồng các bên thỏa thuận như sau: Bên A góp vốn bằng diện tích mặt bằng là 140 m^2 gồm các ki ốt số 3,4,5,6 (ki ốt 02 tầng) tại chợ BN, số 01 đường 3/2 thuộc tổ 9, phường TL, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Bên B góp vốn bằng cơ sở vật chất, hàng hóa và được chủ động hoàn toàn trong việc sản xuất kinh doanh. Bên B phải trả cho bên A khoản doanh thu cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh là 35.000.000đ/tháng. Bên B thực hiện thay nghĩa vụ kê khai, nộp thuế. Thời hạn thanh toán: 12 tháng/ lần trong vòng 07 ngày đầu kỳ thanh toán. Bên B tự thanh toán các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh như: điện, nước, điện thoại, internet, ... Để đảm bảo thực hiện Hợp đồng, bên B đặt cọc cho bên A số tiền là 35.000.000đ. Thực hiện Hợp đồng nêu trên, ngày 12/4/2016 Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT đã chuyển khoản số tiền đặt cọc 35.000.000đ vào tài khoản của ông Nguyễn Tuấn A (là tài khoản nhận tiền được ghi trên Hợp đồng). Công ty đã thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng. Kỳ thanh toán từ ngày 01/5/2018 đến 06/5/2019 đã được Công ty thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào ngày 07/5/2018 với số tiền là 35.000.000đ x 12 tháng = 420.000.000đ (bốn trăm hai mươi triệu đồng). Do hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa điểm liên tục thua lỗ kéo dài, Công ty đã thực hiện quyền, nghĩa vuhụ của bên đơn phương chấm dứt hợp đồng trước hạn, theo thỏa thuận tại khoản 6.2 Điều 6 Hợp đồng. Ngày 17/6/2018. Công ty đã gửi Thông báo số 227/FRT-FAD ngày 13/6/2018 cho ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Thị Lệ H2. Đến ngày 30/6/2018, Công ty đã thực hiện việc bàn giao lại nhà thuê và bàn giao chìa khóa cho chủ nhà. Để hoàn thiện thủ tục, ngày 28/7/2018 ông Nguyễn Văn T đã chuyển Biên bản bàn giao nhà (đề ngày bàn giao 30/6/2018) và chuyển Biên bản thanh lý Hợp đồng theo nội dung đã thỏa thuận và bà Nguyễn Thị Lệ H2 đã đại diện cho bên thuê ký xác nhận trên Biên bản giao nhà nhưng từ chối ký Biên bản thanh lý Hợp đồng với lý do không đồng ý về số liệu ghi trên Biên bản thanh lý. Buổi làm việc ngày 28/7/2018 diễn ra tại nhà riêng ông Tuấn, bà Hằng tại số 01 TL và có mặt cả 2 ông bà nhưng ông Tuấn không ký vào Biên bản Bàn giao cũng như Biên bản thanh lý mặc dù có xem nội dung Biên bản. Do liên tiếp không thể hẹn gặp nên ngày 28/9/2018, FPT đã tiếp tục gửi văn bản số 410/FPT-FAD về việc yêu cầu ký kết Biên bản thanh

lý Hợp đồng hợp tác kinh doanh. Văn bản này được gửi cho nhân viên của FPT tại Thái Nguyên để chuyển tận tay cho ông Tuấn, bà Hằng nhưng hai ông bà tiếp tục viện rất nhiều lý do từ chối gặp. Ngày 11/10/2018, nhân viên công ty đã phải gửi văn bản nhờ tổ trưởng tổ dân phố số 9 chuyển đến tận tay ông Tuấn, bà Hằng. Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT yêu cầu ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Thị Lệ H2 phải hoàn trả lại cho công ty các khoản tiền được tính như sau: 35.000.000đ tiền đặt cọc; 244.808.219đ tiền lợi nhuận thanh toán trước; 85.734.881 đ tiền lãi, trong đó tiền lãi của số tiền 244.808.219đ tính từ ngày 15/10/2018 đến ngày 28/10/2021 là 74.381.456đ; tiền lãi của số tiền đặt cọc 35.000.000đ tính từ ngày 01/8/2018 (sau thời hạn 01 tháng kể từ ngày kết thúc hợp đồng 01/7/2018) đến ngày 28/10/2021 là 11.353.425đ.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn là ông Nguyễn Tuấn A không cung cấp lời khai cho Tòa án nhưng theo văn bản trình bày ý kiến ngày 26/11/2018 của ông Nguyễn Tuấn A của bà Nguyễn Thị Lệ H2 ngày 25/10/2018 gửi cho Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng, ý kiến của ông Tuấn A, bà Hằng như sau: Ngày 28/11/2018 ông Tuấn A mới được bà Hằng (là vợ ông) thông báo về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng số 15.03.2016/ HĐHTKD – FRT. TNN ngày 15/3/2016 và việc bàn giao nhà giữa người của Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT với bà Nguyễn Thị Lệ H2 vào ngày 28/7/2018, ông không được thông báo về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng của Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT. Tuy nhiên ông nhất trí với việc thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng của công ty tính từ ngày 26/11/2018. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bên đơn phương chấm dứt hợp đồng phải thông báo bằng văn bản trước 03 tháng và phải bồi thường ba tháng tiền doanh thu, như vậy Công ty phải bồi thường cho ông tổng cộng 06 tháng tiền doanh thu. Đối với số tiền đặt cọc, là 35.000.000đ (tương đương 01 tháng tiền hợp tác kinh doanh) ông không nhất trí trả lại vì phía công ty là bên vi phạm hợp đồng nên phải chịu phạt cọc. Như vậy số tiền phạt hợp đồng và phạt cọc là 7 tháng x35.000.000đ / tháng = 245.000.000đ.

Công ty đã thanh toán trước khoản tiền hợp tác kinh doanh là 12 tháng, đến hết tháng 4/2019. Tổng số tiền còn lại của hợp đồng là 5 tháng 06 ngày, như vậy Công ty còn thiếu số tiền phạt cọc và tiền bồi thường là 65.333.000đ tương đương 01 tháng 26 ngày nhưng ông không yêu cầu phải thanh toán số tiền này mà chỉ tính tiền phạt cọc và phạt do đơn phương chấm dứt hợp đồng bằng với số tiền đã thanh toán trước. Hiện nay các bên không còn quyền và nghĩa vụ gì liên quan đến hợp đồng số 15.03.2016/ HĐHTKD – FRT. TNN5 ngày 15/3/2016. Bà Hằng không nhất trí thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh số số 15.03.2016/ HĐHTKD – FRT. TNN5 ngày 15/3/2016 vì những lý do sau: Về chủ thể tham gia ký kết hợp đồng bên A là bà Nguyễn Thị Lệ H2 và ông Nguyễn Tuấn A, khi đơn phương chấm dứt hợp đồng bên B chưa có bất kỳ thông báo nào đến ông Nguyễn Tuấn A, việc chấm dứt hợp đồng phải được sự đồng ý của cả bà và ông

Nguyễn Tuấn A; Bên B là Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT vi phạm thời hạn báo trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng theo khoản 6.1 Điều 6 của hợp đồng là phải báo trước 03 tháng; Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT cử người không có thẩm quyền đến để làm việc.

Với nội dung nêu trên, tại bản án số 12/2021/KDTM - ST ngày 01 tháng 11năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Áp dụng: Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 269; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; Điều 504, 505, 506, 507, 508; khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT về việc "Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh" đối với bà Nguyễn Thị Lệ H2 và ông Nguyễn Tuấn A,

2. Buộc bà Nguyễn Thị Lệ H2 và ông Nguyễn Tuấn A phải có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT tổng số tiền là 246.414.551đ (Hai trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm mười bốn nghìn năm trăm năm mươi mốt đồng). Trong đó: Tiền đặt cọc là 35.000.000đ; Số tiền đã thanh toán trước nhưng chưa sử dụng tính từ ngày 18/9/2018 đến ngày 06/5/2019 số tiền là:153.904.110đ; Tiền lãi chậm trả: 57.510.441đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Án phí: Bà Nguyễn Thị Lệ H2 và ông Nguyễn Tuấn A phải liên đới nộp 12.320.727đ (Mười hai triệu ba trăm hai mươi nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Hoàn trả Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.000.000 đồng theo biên lai số 0003719 ngày 03 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 11/11/2021 bà Nguyễn Thị Lệ H2 và ông Nguyễn Tuấn A kháng cáo toàn bộ Bản án; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại, hủy Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân TP Thái Nguyên, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ngày11/11/2021 Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT kháng cáo một phần bản án đối với khoản tiền nguyên đơn đã thanh toán trước nhưng chưa sử dụng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử buộc bà Nguyễn Thị Lệ H2 và ông Nguyễn Tuấn A hoàn trả khoản tiền nguyên đơn đã thanh toán trước nhưng chưa sử dụng sau khi đã trừ đi tiền phạt do đơn phương chấm dứt hợp đồng trước hạn từ ngày 01/7/2018 đến ngày 01/5/2019 là 244.808.219 đồng và tính lãi chậm trả trên số tiền này.

- Viện kiểm sát nhân dân TP Thái Nguyên ban hành Kháng nghị số 01/QĐKN-VKS-DS ngày 16/11/2021, Kháng nghị một phần bản án KDTM sơ thẩm của Tòa án nhân dân TP Thái Nguyên theo hướng sửa phần quyết định của bản án, nêu rõ số tiền nguyên đơn yêu cầu nhưng không được chấp nhận và tính án phí đối với số tiền này theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn là bà Nguyễn Thị Lệ H2 và người đại diện theo uỷ quyền của ông Tuấn A và bà Hằng vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKSND tỉnh Thái Nguyên vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị số 01/QĐKN-VKS-DS ngày 16/11/2021 của VKSND thành phố Thái Nguyên.

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và toàn bộ nội dung kháng cáo.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự;Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn kháng cáo trong hạn luật định và đã nộp dự phí kháng cáo; Viện kiểm sát kháng nghị trong hạn luật định là hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ H2 và ông Nguyễn Tuấn A thấy rằng:

[2.1] Xét Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 15.03.2016 ngày 15/3/2016: Hợp đồng được ký kết giữa ông Nguyễn Anh Tuấn và bà Nguyễn Thị Lệ H2 (Bên A)-Bên có địa điểm kinh doanh với Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT (Bên B) có tư cách pháp nhân, giao kết hợp đồng để hợp tác kinh doanh, phần góp của bên A là địa điểm kinh doanh thuộc quyền quản lý, sử dụng của bên A để bên B thực hiện các hoạt động kinh doanh thuộc lĩnh vực đăng ký kinh doanh của bên B. Các bên thỏa thuận rõ về việc đóng góp tài sản để thực hiện công việc kinh doanh các thiết bị điện tử, điện thoại, máy tính, các sản phẩm công nghệ; thỏa thuận rõ về địa điểm, quy mô của việc hợp tác; thời hạn thực hiện hợp đồng và phân chia doanh thu. Hợp đồng được giao kết trên cơ sở tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Các điều khoản thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và hai bên đều thừa

nhận; phù hợp với các quy định từ Điều 504 đến Điều 508/ BLDS. Do vậy Hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên có hiệu lực thi hành đối với các bên.

[2.2] Quyền được đơn phương chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh: Do hoạt động kinh doanh không hiệu quả, ngày 13/6/2018 Chi nhánh Công ty CP bán lẻ kỹ thuật số FPT tại Thái Nguyên ban hành công văn số 227/FRT-FAD về việc chấm dứt Hợp đồng thuê nhà số 15.03.2016/HĐHTKD-FRT.TNN5, công văn này được nhân viên của công ty là Phùng Ngọc Hà và Hoàng Minh Tiến đem đến tận nhà riêng của bà Hằng, ông Tuấn A tại tầng 2 shop số 1, đường 03/02 TL để trao đổi và gửi đến tận tay cả 2 vợ chồng vào ngày 17/6/2018; tiếp đó ngày 30/6/2018, nhân viên của công ty đã thực hiện việc bàn giao lại các ki ốt nêu trên, bà Hằng là người trực tiếp nhận lại, đồng thời công ty đã thanh toán hết các khoản tiền điện, nước, vệ sinh, cước viễn thông đến hết ngày 30/6/2018.

Việc công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh như nêu trên là đúng với thỏa thuận trong hợp đồng và quy định tại khoản 1, 2 Điều 428/BLDS

"***Điều 428. Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng***

1. Một bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi…. hoặc các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

2. Bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc chấm dứt hợp đồng, nếu không thông báo mà gây thiệt hại thì phải bồi thường"

[2.3] Về nghĩa vụ báo trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng: Ngày 13/6/2018 Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT có Thông báo số 227/FRT-FAD, được nhân viên của công ty gửi trực tiếp cho ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Thị Lệ H2 vào ngày 17/6/2018; Ngày 30/6/2018, nhân viên của Công ty đã thực hiện việc bàn giao lại mặt bằng và bàn giao chìa khóa cho chủ nhà, ngừng hoạt động kinh doanh tại địa điểm kể từ ngày 01/7/2018.

Như vậy khi thực hiện việc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh, công ty đã vi phạm thời hạn báo trước (3 tháng) cho bà Hằng và ông Tuấn A như thỏa thuận trong hợp đồng.

[3] Việc ông Nguyễn Tuấn A cho rằng ngày 28/11/2018 ông mới được bà Nguyễn Thị Lệ H2 (là vợ ông) thông báo về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng số 15.03.2016/HĐHTKD-FRT.TNN ngày 15/3/2016 và việc bàn giao nhà giữa người của Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT với bà Nguyễn Thị Lệ H2 vào ngày 28/7/2018. Tại phiên toà phía bị đơn cho rằng hợp đồng số 15.03.2016/HĐHTKD-FRT.TNN ngày 15/3/2016 chưa được thanh lý nên không chấp nhận thanh toán trả lại tiền cho FPT thấy rằng: Ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Thị Lệ H2 là vợ chồng, đang sinh sống tại cùng một địa chỉ; tài liệu trong hồ sơ thể hiện do không giao trực tiếp biên bản thanh lý hợp đồng cho vợ chồng bà Hằng được nên phía công ty đã nhờ tổ trưởng dân phố nơi vợ chồng bà

Hằng sinh sống là ông Nguyễn Đức Kiểm chuyển đến vợ chồng bà Hằng (BL09). Mặt khác, ngày 30/6/2018 phía công đã bàn giao nhà do bà Hằng (BL10). Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ cuối tháng 6/2021 giữa bà Hằng và phía Công ty FPT (bà Huyền) cũng đã có trao đổi qua zalo về nội dung chấm dứt hợp đồng.

Từ phân tích trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn là bà Nguyễn Thị Lệ H2 và ông Nguyễn Tuấn A.

[4] Tại phiên toà phía nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là số tiền 119.128.549đ và rút toàn bộ kháng cáo. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện và rút toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn là tự nguyện và không trái pháp luật. Bị đơn nhất trí không có ý kiến gì. Do vậy, chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện và rút toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn.

[5] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên thì thấy:

*[5.1]*Nguyên đơn là Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Nguyễn Thị Lệ H2 và ông Nguyễn Tuấn A phải trả cho Công ty số tiền là 35.000.000đ tiền đặt cọc; 244.808.219đ tiền lợi nhuận thanh toán trước;85.734.881 đ tiền lãi.

[5.2] Khi thực hiện việc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh, công ty đã vi phạm thời hạn báo trước (3 tháng) cho bà Hằng và ông Tuấn A như thỏa thuận trong hợp đồng**.** Đây là khoảng thời gian (do các bên thỏa thuận) để bên A có thể tìm đối tác khác để hợp tác kinh doanh hoặc bên A có thể chuẩn bị đầu tư để trực tiếp kinh doanh… nhưng công ty đã vi phạm thời hạn báo trước (báo trước 14 ngày) gây thiệt hại cho bên A nên cần buộc công ty phải bồi thường cho bà Hằng và ông Tuấn A một khoản tương ứng với doanh thu mà bên B trả cho bên A trong thời gian báo trước 35.000.000đ x 3 tháng = 105.000.000 đồng.

Buộc công ty phải thanh toán 03 tháng tiền lợi nhuận khi đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và số tiền thực tế trong thời gian sử dụng mặt bằng.

Cụ thể số tiền bà Nguyễn Thị Lệ H2 và ông Nguyễn Tuấn A còn phải thanh toán cho công tycổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT là: Số tiền đã thanh toán từ 01/5/2018 đến 01/5/2019 là 420.000.000đ + 35.000.000đ (tiền đặt cọc) = 455.000.000đ – 161.095.890đ (tiền đã sử dụng mặt bằng tính từ ngày 01/5/2018 đến ngày 17/9/2018, đã bao gồm cả thời hạn báo trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn là 03 tháng) – 105.000.000đ (03 tháng tiền lợi nhuận khi đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn) = **188.904.110 đồng**.

[5.3] Đối với khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ đến ngày xét xử sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự giữa Công ty CPBLKT FPT và ông Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Thị Lệ H2

không có thỏa thuận về mức lãi xuất chậm trả nên mức lãi được tính bằng 10%/ năm.

[5.4] Về thời gian tính lãi chậm trả: Công ty CPBLKT FPT yêu cầu tính lãi suất chậm trả đối với số tiền đặt cọc từ ngày 01/7/2018 (sau ngày bàn giao nhà) nhưng theo thông báo số 410/ FRT – FAD ngày 28/9/2018 Công ty yêu cầu ông Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Thị Lệ H2 phải thanh toán số tiền phải trả trước ngày 10/10/2018 nhưng ngày 15/10/2018 bà Hằng và ông Tuấn A mới nhận được Công văn, do vậy thời gian chậm trả được tính từ ngày 15/10/2018, cụ thể: Thời gian chậm trả tính từ ngày 15/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 01/11/2021 là: 36 tháng 16 ngày.

Số tiền lãi chậm trả là: 188.904.110 đ x 36 tháng 16 ngày = **57.510.441đ.**

Tổng số tiền ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Thị Lệ H2 phải thanh toán cho Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT là 188.904.110đ + 57.510.441đ = **246.414.551đ***(Hai trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm mười bốn nghìn năm trăm năm mươi mốt đồng).*

[5.5] Số tiền Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT khởi kiện là 365.542.437 đồng số tiền được chấp nhận là 246.414.551đ. Số tiền không được chấp nhận là 119.127,886đ. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 BLTTDS và khoản 1, 4 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 thì nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu không được chấp nhận (119.127,886 x 5%= 5.956.394đ). Tuy nhiên, toà án cấp sơ thẩm không xem xét đối với khoản tiền nguyên đơn không được chấp nhận và không buộc nguyên đơn phải chịu án phí là thiếu sót nên chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên.

[6] Mặc dù tại phiên toà phúc thẩm đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là số tiền 119.128.549đ và rút toàn bộ kháng cáo, phía bị đơn nhất trí. Căn cứ theo Điều 299 BLTTDS thì nguyên đơn vẫn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm và phải chịu án phí phúc thẩm.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Thị Lệ H2 phải chịu án phí phúc thẩm.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, bác kháng cáo của bị đơn, chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện và toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào cácĐiều 351,355 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ các Điều 91và Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Thị Lệ H2, chấp nhận kháng nghị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên. Sửa bản án sơ thẩm số 12/KDTM-ST ngày 01/11/2021 của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT về việc "Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh" đối với bà Nguyễn Thị Lệ H2 và ông Nguyễn Tuấn A.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Lệ H2 và ông Nguyễn Tuấn A phải có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT tổng số tiền là 246.414.551đ (Hai trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm mười bốn nghìn năm trăm năm mươi mốt đồng). Trong đó: Tiền đặt cọc là 35.000.000đ; Số tiền đã thanh toán trước nhưng chưa sử dụng tính từ ngày 18/9/2018 đến ngày 06/5/2019 số tiền là:153.904.110đ; Tiền lãi chậm trả: 57.510.441đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu thanh toán số tiền 119.127.886đ của nguyên đơn là Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Lệ H2 và ông Nguyễn Tuấn A.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Nguyễn Thị Lệ H2 và ông Nguyễn Tuấn A phải liên đới chịu 12.320.727đ (Mười hai triệu ba trăm hai mươi nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

4.2. Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT phải chịu 5.956.394đ *(năm triệu, chín trăm năm mươi sáu nghìn, ba trăm chín tư đồng)*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003719 ngày 03 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên. Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT được hoàn trả 1.043.606đ.*(Một triệu, không trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm linh sáu đồng)*

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Lệ H2 và ông Nguyễn Tuấn A mỗi người phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển từ tạm ứng án phí

sang theo biên lai số 0000729 ngày 23 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên. (Ông Tuấn A và bà Hằng đã nộp xong)

- Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT phải chịu 2.000.000đ *(hai triệu đồng)* án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộptheo biên lai số 0000735 ngày 24 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP Thái Nguyên;
- VP - TAT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Minh Lý